

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/DS-PT

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

“V/v kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế

Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoàn; ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2025/TLPT-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc *“Kiện đòi tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2025/QĐ-PT, ngày 08 tháng 4 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 51/2025/DSPT-TB ngày 21/4/2025; Thông báo hoãn phiên tòa số 54/2025/DSPT-TB ngày 07/5/2025; Thông báo hoãn phiên tòa số 60/2025/DSPT-TB ngày 22/5/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/2025/DSPT-TB ngày 23/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐ-PT ngày 10/6/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2025/QĐPT-DS ngày 18/6/2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 15/TB-TA ngày 10/7/2025; Thông báo hoãn phiên tòa số 71/2025/DSPT-TB ngày 15/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐ-PT ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Sn 485, TDP 16, phường Phan Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là TDP Phan Th 16, phường Minh X, tỉnh Tuyên Q). Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961. Địa chỉ: TDP 05, phường An T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ 5, phường An T, tỉnh Tuyên Q). Theo giấy uỷ quyền ngày 08/4/2024. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Văn L1, sinh năm 1980. Địa chỉ: PG 2 – 22A, TDP 13, phường Phan Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là TDP Phan Th 13, phường Minh X, tỉnh Tuyên Q). Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 – Luật sư, Công ty Luật TNHH Mai Ph, thuộc Đoàn luật sư thành phố

Hà N. Địa chỉ: Số 202, đường Hoàng Quốc V, quận Cầu G, thành phố Hà N (nay là phường Nghĩa Đ, thành phố Hà N). Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: PG 2 – 22A, TDP 13, phường Phan Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là TDP Phan Thiết 13, phường Minh X, tỉnh Tuyên Q). Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Mai H1: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn Ngăm M, xã Lăng Ng, huyện Gia B, tỉnh Bắc N (nay là thôn Ngăm M, xã Đông C, tỉnh Bắc N). Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 18/6/2025. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- **Người làm chứng:**

+ Ông Bùi Đình M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm 3, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là phường Nông T, tỉnh Tuyên Q). Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm 6, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là phường Nông T, tỉnh Tuyên Q). Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 01, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà N (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính). Vắng mặt.

+ Ông Lê Đình N. Địa chỉ: Xóm 5, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là phường Nông T, tỉnh Tuyên Q). Vắng mặt.

+ Ông Phan Đức P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm 4, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (nay là phường Nông T, tỉnh Tuyên Q). Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Q. Địa chỉ: Thôn 14, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính). Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và người đại diện trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 02/3/2021, ông Dương Văn L1 vay ông (T) số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*), theo Giấy vay tiền 02/3/2021, mục đích ông L1 vay để góp vốn mua cây hoa lan và hứa sau này bán có lãi sẽ chia cho ông, tuy nhiên ông cũng không có yêu cầu này, nên quá trình mua bán lan của ông L1 như thế nào ông cũng không quan tâm, không biết; thực tế ông L1 cũng không cho ông đồng lãi nào. Thời hạn vay do hai bên thoả thuận miệng trong 2 đến 3 tháng sẽ trả. Khi đến hạn 03 tháng ông có đến yêu cầu ông L1 trả nợ nhưng ông L1 trình bày hiện nay việc mua bán đang gặp khó khăn nên xin khát thêm hai tháng nữa, do anh em tin tưởng nhau nên ông đồng ý. Tuy nhiên đến thời hạn ông L1 không trả được cho ông như đã hứa mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu. Nay ông khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Dương Văn L1 phải trả cho ông số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng tính từ ngày Toà thụ lý vụ án (quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ khoản tiền lãi).

Bị đơn ông Dương Văn L1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Ngày 08/5/2024 ông Dương Văn L1 uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1979, địa chỉ tại P306 B3 TTCTCK Hà Nội, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội (địa chỉ khác tại 108 Hoàng Văn Thái, phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội) tham gia tố tụng (BL 27-30) “*Căn cứ uỷ quyền theo Giấy báo của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang số 627/GB-TA ngày 02/5/2024 trong vụ án dân sự số 30 ngày 25/4/2024*”, giấy uỷ quyền có nội dung “... *Tất cả các ý kiến, quyết định của bà Nguyễn Thị Mai H1 liên quan đến giải quyết vụ án trên được coi là ý kiến của ông Dương Văn L1*”;

Ông Dương Văn L1 trình bày quan điểm tại Bản ý kiến (không ghi ngày tháng, ghi tên bà Nguyễn Thị Mai H1) được ông L1 ký xác nhận (BL 86), Bản ý kiến bổ sung ngày 21/8/2024 (BL 107, 108), Biên bản phiên toà ngày 22/11/2024 (BL 176-180) và người đại diện theo uỷ quyền của ông L1 là bà Nguyễn Thị Mai H1 trình bày tại Bản ý kiến ngày 30/7/2024 (BL 87), Biên bản hoà giải ngày 30/7/2024 (BL 91); Biên bản phiên toà ngày 11/10/2024 (BL 151 – 156), Biên bản phiên toà ngày 22/11/2024 (BL 176-180). Ông L1 và người đại diện theo uỷ quyền cùng có quan điểm:

Về yêu cầu khởi kiện của ông T: Ông L1 không đồng ý vì giữa ông T và ông L1 không có tiền vay nào có giá trị 3 tỷ, thực chất giấy vay tiền ngày 02/3/2021 được xác lập bởi thoả thuận hợp tác kinh doanh miêng giữa ông T và ông L1 về việc chung vốn mua 50% giá trị 04 cây hoa lan Bạch Tuyết với giá là 3.499.999.999 đồng (trong đó ông T góp 3.000.000.000 đồng, ông L1 góp 499.999.999 đồng), thoả thuận miêng phân công ông L1 có trách nhiệm trông chăm sóc cây lan và bán hàng, việc góp vốn của ông T thể hiện tại buổi chuyển nhượng lan cùng ngày 02/3/2021, bên bán là ông M mang đến tận nơi thì ông T chuyển tiền cho bên bán lan là ông Bùi Đình M, số điện thoại 0912678252, địa chỉ tại xóm 3, xã Trảng Đ, thành phố Tuyên Q, chứ ông T không giao tiền cho ông L1. Do ông L1 chỉ chăm sóc trông lan để mục đích tránh cây lan chết hoặc không đúng cây, tráo cây nên ông T yêu cầu ông L1 ký giấy vay tiền để ông T yên tâm. Việc kinh doanh chung được thể hiện trong giấy rõ ràng “*lợi nhuận sau khi trừ số tiền gốc mua vào với anh Tùng sẽ chia đôi số lợi nhuận đó*” và ông T là người quyết định giá bán. Rất nhiều lần ông L1 có khách và đề nghị ông T bán lan để thu tiền nhưng ông T không đồng ý nên không thể bán được lan. Hiện cây lan vẫn còn, ông T lại khởi kiện ông L1 trả tiền vay theo giấy ngày 02/3/2021 là không đúng với thực tế, rõ ràng ông T đã gian dối khi thể hiện trong đơn khởi kiện rằng ông T không quan tâm quá trình mua bán lan. Ông L1 có bằng chứng việc ông T có mặt trong buổi chuyển nhượng lan ngày 02/3/2021 và cung cấp ảnh trong buổi chuyển nhượng lan.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, đến ngày 12/12/2024 (Biên bản xác minh – BL 185) bị đơn ông Dương Văn L1 thay đổi ý kiến khi Toà án đến xác minh cây hoa lan tại vườn lan của ông L1, vì ông L1 cho rằng ông T khởi kiện khoản tiền vay, không liên quan đến hoa lan nên ông L1 không đồng ý cho Toà án xác minh, việc cây hoa lan có còn tồn tại ở vườn lan hay không, tình trạng cây tốt xấu, giá cả lên xuống như thế nào không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại đơn xin hoãn phiên toà ngày 22/12/2024 ông L1 đồng thời xác định không tiếp tục uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Mai H1 tham gia tố tụng; cùng ngày

22/12/2024 ông L1 làm thủ tục nhờ Luật sư Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 – Luật sư, Công ty Luật TNHH Mai Ph, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà N. Địa chỉ: Số 202, đường Hoàng Quốc V, quận Cầu G, thành phố Hà N làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 02/01/2025 ông L1 thay đổi quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện, ông L1 cho rằng các ý kiến, quan điểm của ông và người đại diện kể từ ngày thụ lý vụ án đến thời điểm ngày 12/12/2024 do người đại diện của ông là bà Nguyễn Thị Mai H1 (1979), đã tham mưu không đúng bản chất vụ án. Ông (L1) xác định:

Chữ ký và chữ viết tên Dương Văn L1 bên dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” và dòng chữ “tôi đã nhận đủ số tiền trên” trong Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 (BL 25) đều do ông (L1) viết và ký tên. Trên thực tế ông (L1) có hỏi vay tiền của ông T để mua lan và được ông T nhất trí cho vay số tiền 03 tỷ đồng, sau đó ông T nhờ người đánh máy Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 và đưa cho ông (L1) ký, viết, lúc đó ông (L1) đang vội tổ chức sự kiện giao dịch hoa lan, hơn nữa là chỗ bạn bè chơi với nhau nên ông L1 đã ký, viết các nội dung nêu trên và đưa Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 cho ông T giữ mà chưa hề được ông T giao số tiền 03 tỷ đồng. Vì vậy không làm phát sinh quan hệ vay nợ giữa ông với ông T như yêu cầu khởi kiện; ngoài Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 thì ông T không có tài liệu chứng cứ về việc giao số tiền 03 tỷ đồng, giao bằng tiền mặt hay chuyển khoản, giao tiền ở đâu, có ai làm chứng, Vì vậy, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về tài sản chung giữa ông và bà H1 (vợ ông L1) là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ TDP Đồng T, thị trấn Sơn D, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số giấy DE 191324, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03193 do UBND huyện Sơn Dương cấp ngày 22/9/2023 mang tên ông (Dương Văn L1) và bà Nguyễn Thị Mai H1 là tài sản của vợ chồng ông và bà H1, được bố mẹ ông tặng cho, không liên quan gì đến số tiền vay theo đơn khởi kiện của ông T. Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để hạn chế quyền dịch chuyển tài sản của ông là trái quy định của pháp luật, ông không đồng ý với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang và yêu cầu Toà án thu hồi, đình chỉ quyết định này.

Tại bản ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Mai H1 (1984) trình bày: Bản thân bà là người trực tiếp quán xuyến, quản lý mọi chi tiêu trong gia đình, do đó tài chính thu chi trong gia đình bà là người nắm rõ. Bà (Hương) khẳng định quá trình bà và ông L1 chung sống, từ nguồn tiền phục vụ mục đích sinh hoạt tối thiểu của gia đình không có bất kỳ nguồn tiền nào liên quan đến việc góp vốn hay vay mượn tiền của ông Nguyễn Thanh T. Nếu giữa ông T và ông L1 (chồng bà) có tồn tại việc góp vốn hay vay mượn tiền để kinh doanh, mua bán hoa lan như trong đơn khởi kiện ông T nhắc đến, bà hoàn toàn không biết, đây là việc riêng của ông L1, không liên quan tới bà, ông T chưa lần nào nói với bà về việc ông L1 góp vốn hay mượn tiền của ông T, đồng thời ông T cũng không liên hệ gì với bà để đòi tiền; bà không đồng ý với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 của Toà án, về việc Phong toả tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số giấy DE 191324, sổ vào sổ cấp giấy chứng

nhận CH 03193 do UBND huyện Sơn Dương cấp ngày 22/9/2023, đăng ký biến động tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Sơn Dương ngày 28/12/2023; địa chỉ thửa đất tại TDP Đồng T, thị trấn Sơn D, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q. Toà án ra quyết định này là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sử dụng, sở hữu tài sản hợp pháp của bà, đây là tài sản chung của vợ chồng bà và ông L1 được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, không phải tài sản riêng của ông L1 và không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Những người làm chứng:

Ông Bùi Đình M trình bày như sau: Ông (M) có thời gian kinh doanh lan lâu dài tại xóm 3, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Quang. Trên cơ sở trước đó ông Dương Văn L1 có trực tiếp trao đổi với ông về việc mua hoa lan, thoả thuận số lượng cần mua, chủng loại là 5 cách trắng Bạch Tuyết, số lượng 04 chậu, giá thoả thuận: 6.999.999.999 đồng (gần 7 tỷ/4 chậu lan). Hai bên đã thoả thuận xong, do vậy ngày 02/3/2021, có 03 người (không nhớ được tên tuổi và địa chỉ) cùng ông và cháu, em ông đến quán No91 của nhà ông L1 để giao số tiền 6.999.999.999 đồng và nhận cây, ông cho 02 người làm chung vườn lan là Lê Đình N, trú tại xóm 05, xã Tràng Đ và Phan Đức P, trú tại xóm 04, xã Tràng Đ trực tiếp nhận tiền, do ông L1 nói với ông: Cho người xuống nhận tiền và lúc đó có một người này trả tiền cho ông, ông không nhận trực tiếp mà cho cháu và em ông nhận tiền từ một nhóm người mà ông L1 bảo đưa tiền. Hai bên không viết giấy biên nhận, trả tiền xong, ông L1 nhận 04 chậu lan tại nhà ông L1 (việc giao hoa lan cũng không viết giấy tờ gì) cùng lúc đó ông L1 mang 04 chậu lan ra Trung tâm tổ chức sự kiện Royal (Lê Lợi 4, phường Tân Q) để làm giao dịch, công khai. Việc ông L1 và một số người đi cùng ông L1 có thoả thuận chung nhau mua Lan hay ông L1 tự giao dịch mua thì ông không nắm rõ, chỉ biết khi thoả thuận giá cả, chủng loại số lượng hoa Lan là ông L1 thoả thuận, trao đổi, còn khi thanh toán tiền thì 03 người khách kia đi cùng ông L1 trực tiếp trả tiền mặt cho cháu và em ông (Nội, Phương).

Trước đó, ông có nhận của ông L1 số tiền 499.999.999 đồng vào ngày 27/02/2021 (chuyển khoản 300.000.000 đồng và tiền mặt là 199.999.999 đồng) là tiền mua lan nêu trên.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông (S) làm nghề tự do, không có quan hệ họ hàng gì với ông T hay ông L1, ông quen biết cả hai khi trông coi vườn lan cho ông L1. Ông có thời gian từ năm 2020 đến hết tháng 03 năm 2024 làm công ăn lương, công việc cụ thể là thể chăm sóc và trông coi vườn lan cho ông Dương Văn L1, lúc đó ông L1 là chủ vườn lan và là chủ quán Karaoke No91, địa điểm gần khu vực Công an phường Tân Q. Khi trông coi vườn lan, ông có thấy ông Nguyễn Thanh T, đi xe ô tô biển kiểm soát 01111, xe CRV màu xám có đến qua lại vườn để thăm, xem lan, khi thì đi một mình, khi thì đi cùng bạn, bạn là ai thì ông không rõ; lúc thì có một mình ông tại vườn, lúc thì có cả ông L1. Việc đi lại và xem lan của ông T diễn ra khoảng trên 10 lần, có những lúc ông T đến nhưng ông không cho vào nên ông T phải điện thoại cho ông L1, ông L1 đồng ý cho vào xem thì ông mới cho. Khi đến ông T cũng chỉ nói: *Cho anh lên để xem cây*, lần nào đến cũng chỉ thăm và xem 04 chậu lan Bạch Tuyết tại vườn và hiện tại ông được biết 04 chậu lan này vẫn đang tồn tại ở vườn. Đến khoảng cuối năm 2023 và đầu năm 2024, ông không thấy ông T đến thăm Lan nữa. Trong suốt thời gian trông coi vườn lan, ông không được chứng kiến, cũng không biết gì về việc có khách hàng đến đặt vấn đề mua 04

chậu lan này. Ngoài ra, ông không biết việc ông T và ông L1 có góp vốn chơi lan cùng nhau không, cũng không được chứng kiến việc hai bên có cho nhau vay tiền.

Ông Nguyễn Văn M1 trình bày: Ông (M1) là bạn của anh trai ông L1, trước kia không biết ông T, đến khi có sự kiện giao dịch chuyển nhượng lan vào ngày 02/3/2021 ông mới biết ông T khi giao dịch để mua lan chung, bên ông L1 góp 50%, bên ông là 50%; phía bên ông L1 do ông T trực tiếp trao đổi và giao tiền cho bên bán cây (04 cây Lan Bạch tuyết) với giá 6.999.999.999 đồng và được ông L1 cho biết phía bên ông L1 do ông T đứng ra giao dịch vì do vốn của ông L1 có ít còn vốn của ông T nhiều hơn nên để ông T đứng ra giao dịch, do có sự mua chung lan nên ông đã đặt vấn đề mua lại nhưng ông L1 nói do ông T không đồng ý bán, mà ông L1 thì vốn ít nên không quyết định được, cây lan ông mua chung ông đã mang về còn cây lan của bên ông L1 và ông T hiện còn hay không ông không nắm được. Đến nay ông xác định thị trường lan mất giá, rủi ro cao, ông và phần lớn những người tham gia vào thị trường lan trước đó đều bị thất bại và phá sản. Quá trình giao dịch góp vốn thì ông T là người trực tiếp đại diện giao tiền cho bên bán lan, việc ông T và ông L1 góp vốn với nhau như thế nào thì ông không biết và cũng không nắm được có vay tiền của nhau hay không.

Ông Lê Đình N và ông Phan Đức P cùng có quan điểm: Ngày 02/3/2021 tại sân giao dịch lan có ông M, ông P và ông N đến bàn giao 04 cây lan Bạch Tuyết và nhận tiền chuyển nhượng từ phía mua lan. Tổng giá trị chuyển nhượng là 6.999.999.999 đồng. Khi nhận tiền có nhận từ người đàn ông lạ mặt số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) và bên nhóm ông M1 có hai người giao số tiền là 3.499.999.999 đồng; ông P và ông N thu tiền, không đếm tiền chi tiết mà chỉ đếm số lượng cọc tiền, thời gian nhận tiền từ 12 giờ trưa đến 13 giờ xong ra về và xác nhận không nhận tiền trực tiếp từ ông L1 mà nhận tiền từ nhóm ông M1 và một người đàn ông khác.

Bà Phan Thị Q trình bày: Ngày 02/3/2021 tại văn phòng Công ty, địa chỉ số 91 đường Chiến thắng Sông Lô, ông T là bạn ông L1 đến nhờ bà đánh máy hộ giấy vay tiền giữa ông T và ông L1, nội dung do ông T đọc cho đánh và đánh xong in ra đưa cho ông T, rồi ông T mang đi đâu thì bà không biết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang) quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; 39; 111; 112; 147; 161; 227; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166; 357; 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

1. Buộc ông Dương Văn L1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền là 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì

còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/02/2025 và ngày 13/02/2025 bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1 kháng cáo toàn bộ Bản án số 03/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 03/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài sản đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số DE 191324, số vào sổ cấp giấy số CH 03193 do UBND huyện Sơn Dương cấp ngày 22/9/2023 mang tên ông Dương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mai H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày: Ông T khởi kiện là đúng quy định của pháp luật; trong giấy vay tiền đã thể hiện rõ thông tin người vay, người cho vay, ngày vay và số tiền vay; ông L1 cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết đã nhận đủ số tiền ở phần cuối của giấy vay nợ là của ông L1. Đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang;

Ngoài ra, trong Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 có thể hiện các nội dung như ông L1 bán lan phải được sự đồng ý của ông T là điều kiện đảm bảo cho ông T thu hồi khoản tiền cho vay, vì khoản vay này là tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Đối với các ý kiến bên bị đơn và luật sư của bị đơn đưa ra đều mang tính chất suy diễn, không có căn cứ chứng minh. Trong vụ án này cần phải căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 mà các bên đã ký kết làm căn cứ giải quyết vụ án; khi ký Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 ông L1 hoàn toàn tỉnh táo minh mẫn, không bị đe dọa ép buộc, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và chính tự tay ông L1 ghi đã nhận đủ tiền số tiền vay, là những tình tiết không phải chứng minh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Dương Văn L1 là bà Nguyễn Thị H trình bày:

+ Nguyên đơn không có căn cứ chứng minh việc giao số tiền 03 tỷ đồng; trên thực tế chưa có việc giao số tiền này, vì vậy nguyên đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ giao số tiền vay 3 tỷ đồng cho bị đơn vay; tại phiên tòa ngày 02/01/2025 ông T khai có sự mâu thuẫn, buổi sáng ông T khai đưa tiền cho ông M, buổi chiều lại khai đưa tiền cho ông L1. Ông T và người đại diện khai về địa điểm giao tiền có sự mâu thuẫn, ông T cho rằng khi ông L1 ký xong thì ông T mới đi rút tiền giao cho ông L1; hơn nữa dòng chữ ông L1 viết “*tôi đã nhận đủ số tiền trên*” trong Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 không có cơ sở xác định là số tiền nào, số tiền 3 tỷ đồng? số tiền lãi hay số tiền lợi nhuận 50/50?, ... còn việc vẫn tồn tại giấy vay tiền là do ông L1 với ông T là chỗ thân quen tin tưởng nhau; bà Q cũng xác định không có việc

ông T đưa tiền cho ông L1 sau khi nhờ bà Q đánh máy Giấy vay tiền ngày 02/3/2021;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên toà để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với địa điểm giao tiền theo lời khai của ông T và người đại diện, vì có sự mâu thuẫn giữa các lời khai;

+ Quá trình giải quyết vụ án, ông L1 đã thay đổi lời khai, nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn sử dụng các lời khai trước đó của ông L1 làm cơ sở giải quyết vụ án;

+ Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng là 03 năm; khi thụ lý vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng, nhưng khi ra bản án lại xác định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản. Trong vụ án này cần xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng theo Điều 463 Bộ luật dân sự và xác định đã hết thời hiệu khởi kiện, nên nguyên đơn không có quyền khởi kiện.

+ Toà án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót dẫn đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 cũng không đúng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1, bà H1. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

Bị đơn ông Dương Văn L1 nhất trí với ý kiến của Luật sư Nguyễn Thị H.

- Bà Nguyễn Thị H2 là người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Mai H1 giữ nguyên các ý kiến đã nêu trong các văn bản gửi Toà án, cụ thể:

+ Toà án cấp sơ thẩm đưa bà H1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, vì bà H1 không liên quan đến nội dung tranh chấp giữa ông T với ông L1;

+ Toà án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 về việc phong toả tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 191324, số vào sổ cấp GCN: CH 03193 do Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Dương cấp ngày 22/9/2023, đăng ký biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sơn Dương ngày 28/12/2023, địa chỉ thửa đất tại TDP Đồng T, thị trấn Sơn D, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sử dụng, sở hữu tài sản hợp pháp của bà H1, đây là tài sản chung của vợ chồng giữa bà H1 và ông L1 được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, không phải tài sản riêng của ông L1 và không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bỏ tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bà H1; huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền lợi nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Người kháng cáo là bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1 có quyền kháng cáo; đơn kháng cáo còn trong

thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Việc luật sư Nguyễn Thị H đề nghị tạm dừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với địa điểm giao tiền theo lời khai của ông T và người đại diện là không cần thiết. Vì từ khi hai bên ký giấy vay tiền đến nay đã lâu, hiện trường có nhiều thay đổi, việc xem xét thẩm định tại chỗ không đảm bảo phục vụ quá trình giải quyết vụ án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Văn L1, bà Nguyễn Thị Mai H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ngày 12/02/2025 và ngày 13/02/2025 bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1 kháng cáo toàn bộ Bản án số 03/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Dương Văn L1 là bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với địa điểm giao tiền theo lời khai của ông T và người đại diện, vì có sự mâu thuẫn giữa các lời khai. Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm hai bên ký Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 đến nay đã lâu, hiện trường đã có nhiều thay đổi xáo trộn, bản thân ông L1 cũng thừa nhận phòng làm việc có lắp camera nhưng chỉ lưu trữ trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 ngày sẽ bị trôi đi. Do vậy việc xem xét thẩm định tại chỗ sẽ không đem lại hiệu quả thiết thực phục vụ quá trình giải quyết vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của luật sư Nguyễn Thị H.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 thể hiện nội dung ông L1 vay của ông T số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) để góp vốn mua cây hoa lan; phần cuối trong giấy vay tiền có mục người vay tiền ký, ghi tên Dương Văn L1 và có nội dung “*tôi đã nhận đủ số tiền trên*”. Ông L1 thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Dương Văn L1

bên dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” và dòng chữ “tôi đã nhận đủ số tiền trên” trong Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 (BL 25) đều do ông (L1) viết và ký tên.

Tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự và xác minh lấy ý kiến của những người làm chứng theo đề nghị của bị đơn. Kết quả xác minh cho thấy ông T có xuất hiện tại buổi chuyển nhượng lan ngày 02/3/2021 nhưng không có căn cứ xác định số tiền 3 tỷ đồng là ông T đóng góp để mua cây hoa lan; quá trình giải quyết vụ án bản thân ông L1 cũng khẳng định số tiền 3 tỷ trong Giấy vay tiền ngày 02/3/2021 không phải là tiền ông T góp vốn mua cây hoa lan mà là khoản tiền ông L1 vay ông T để ông L1 mua cây hoa lan. Ông L1 cho rằng ông T chưa giao tiền sau khi ký Giấy vay tiền ngày 02/3/2021, nhưng ông L1 không đưa ra được chứng cứ, lập luận thuyết phục chứng minh vì sao chưa được nhận tiền mà ông L1 lại ký, viết tên bên dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” và dòng chữ “tôi đã nhận đủ số tiền trên” trong Giấy vay tiền ngày 02/3/2021. Khi ký giấy vay tiền ông L1 không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự; không bị đe dọa, ép buộc; việc ông L1 ký giấy vay tiền là tự nguyện. Ông L1 đã thừa nhận nội dung “*tôi đã nhận đủ số tiền trên*” ở phần cuối giấy vay tiền là do ông L1 viết, ông L1 phải nhận đủ tiền thì mới ký và viết đã nhận đủ tiền vào Giấy vay tiền ngày 02/3/2021.

Như vậy, có căn cứ xác định ông T đã chuyển giao tài sản là số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) theo giấy vay tiền ngày 02/3/2021 cho ông L1 vay, nên ông T có quyền kiện đòi lại tài sản đối với ông L1;

Ông L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng (thời hiệu khởi kiện là 03 năm) theo điều 429 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự ông T vẫn có quyền đòi lại tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là số tiền 3.000.000.000 đồng đã cho ông L1 vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản trong bản án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, ông T yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 191324, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03193 do UBND huyện Sơn Dương cấp ngày 22/9/2023 mang tên ông Dương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mai H1. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 và đưa vợ ông L1 là bà Nguyễn Thị Mai H1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ, vì ông L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông T nhưng ông L1 không có tài sản riêng, nên phải sử dụng phần của ông L1 trong khối tài sản chung của vợ chồng để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H1 và ông L1 đăng ký kết hôn với nhau năm 2006, khi kết hôn không thỏa thuận chế độ tài sản vì vậy toàn bộ tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 191324 do UBND huyện Sơn Dương cấp mang tên ông Dương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mai H1 là tài sản được tặng cho chung trong

thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của ông bà. Vì vậy, tài sản để đảm bảo thi hành án là phần tài sản của ông L1 trong khối tài sản chung với vợ (là bà H1).

Tòa án sơ thẩm quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 191324 do UBND huyện Sơn Dương cấp mang tên ông Dương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mai H1 và đưa bà H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang), như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí:

Ông Dương Văn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang) như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với ông Dương Văn L1 về việc “*Kiện đòi tài sản*”.

Buộc ông Dương Văn L1 phải trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền **3.000.000.000đ** (Ba tỷ đồng).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang).

3. Về án phí;

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Văn L1 phải nộp 92.000.000đ (*Chín mươi hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí. Trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.000.000đ (*Bốn mươi sáu triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000919 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Dương Văn L1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông L1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000308 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Nguyễn Thị Mai H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000307 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 12/8/2025.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thế

